

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 31/2017/LĐ-ST

Ngày: 29-9-2017.

V/v: “Tranh chấp tiền lương”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ông Đình Công Trường

2. Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử công khai vụ án Lao động thụ lý số 107/2017/TLST-LĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-LĐ ngày 18/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST - LĐ ngày 07/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Bà Đào Thị N, sinh năm: 1976, địa chỉ: Tổ D, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH J; Trụ sở: Khu công nghiệp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông L – Chức vụ: Tổng giám đốc (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn trình bày như sau:

1. Bà Đào Thị N làm việc tại Công ty TNHH J từ tháng 4 năm 2009 theo hợp đồng lao động số 127/HĐLĐ/2013 ngày 01/4/2013; loại hợp đồng không xác định thời hạn. Vị trí công nhân máy tre đan, mức lương cơ bản là 2.700.000 đồng.

Bà N xác định: từ tháng 10- tháng 12/2014 công ty không thanh toán tiền lương. Nay bà N yêu cầu Công ty TNHH J phải trả 03 tháng lương ngừng việc từ tháng 10- 12/2014 theo mức lương cơ bản 2.700.000 đồng x 3 tháng = 8.100.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp

luật nhưng Công ty TNHH J vẫn không có mặt để giải quyết vụ án, đồng thời cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ và yêu cầu nào liên quan vụ án. Theo kết quả xác minh tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì Công ty TNHH J có địa chỉ trụ sở chính tại Khu công nghiệp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giấy chứng nhận đầu tư số 4920430002X do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 25/01/2011, thay đổi lần 1 ngày 15/11/2013.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH J phải có trách nhiệm thanh toán tiền lương ngừng việc cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật và tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH J thanh toán tiền lương ngừng việc được xác định là tranh chấp về tiền lương. Công ty TNHH J có trụ sở chính tại Khu công nghiệp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và tranh chấp giữa các bên đã được hòa giải nhưng không thành nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty TNHH J đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 3 tháng lương ngừng việc với số tiền 8.100.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Xét hợp đồng lao động đã ký kết giữa nguyên đơn và Công ty TNHH J thấy:

Về hình thức và thẩm quyền giao kết hợp đồng: Nguyên đơn giao kết hợp đồng lao động với Công ty J thông qua người đại diện của Công ty, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 24 Bộ luật lao động.

Công ty TNHH J là người có nghĩa vụ chứng minh về việc người đại diện ký kết hợp đồng lao động với nguyên đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng cho đến nay Công ty J không cung cấp chứng cứ phản bác đến Tòa án nên Hội đồng xét xử xác định: Người đại diện cho Công ty ký kết hợp đồng lao động với nguyên đơn là người có đủ thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại điểm g, khoản 3, Điều 157 Luật doanh nghiệp.

Căn cứ các Điều 15, 16, 22 và Điều 25 Bộ luật lao động, Điều 1 của các Hợp đồng lao động được ký kết giữa nguyên đơn và Công ty J, Hội đồng xét xử xác định: Việc giao kết hợp đồng lao động giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Theo trình bày của nguyên đơn trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty J đến tháng 10/2014 Công ty lâm vào tình trạng khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên người đại diện của Công ty đã thông báo với toàn thể công nhân cho tạm nghỉ chờ việc từ tháng 10/2014 và hứa hẹn thanh toán 100% lương cơ bản. Công ty chỉ thông báo bằng miệng với người lao động thông qua ban lãnh đạo của Công ty, không có văn bản gửi đến người lao động, không có văn bản cam kết sẽ thanh toán 100% lương cơ bản cho người lao động.

Đối chiếu với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở xác định: Công ty J chính thức cho người lao động nghỉ chờ việc từ tháng 10/2014 cho đến nay, kể từ đó Công ty TNHH J cũng không có thông báo nào cho người lao động đi làm việc lại.

Như vậy, có căn cứ để xác định Công ty TNHH J đã chính thức ngừng hoạt động; việc ngừng hoạt động không có thông báo bằng văn bản cho người lao động là vi phạm quy định pháp luật về chấm dứt hợp đồng lao động. Cũng kể từ tháng 10/2014 Công ty TNHH J không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho người lao động. Vấn đề này đã vi phạm quy định của hợp đồng, cần buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương ngừng việc cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa (3 tháng lương cơ bản ngừng việc).

Căn cứ Hợp đồng lao động số 127/HĐLD/2013 ngày 01/4/2013 được ký kết giữa bà N với Công ty TNHH J, các tài liệu phản ánh đóng bảo hiểm bắt buộc, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do Công ty TNHH J vi phạm nghĩa vụ thông báo về tạm ngừng hoạt động, vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lương theo hợp đồng cho người lao động như phân tích, nhận định trên. Vì vậy đã có đủ căn cứ để tuyên bố chấm dứt các hợp đồng lao động đã ký kết giữa bà Đào Thị N với Công ty TNHH J kể từ ngày 01/02/2015 (ngày xin tạm ngưng hoạt động); đồng thời buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 3 tháng lương ngừng việc theo mức lương 2.700.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 98 Bộ luật lao động, khoản 1 Điều 26 nghị định số 05/2015/NĐ – CP ngày 12/01/2015.

Đối với bị đơn không có mặt để tham gia phiên tòa và cũng không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện hợp đồng lao động với người lao động nên không có căn cứ để xem xét.

[3]Về án phí, quyền kháng cáo: Buộc Công ty TNHH J phải nộp án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 36, Điều 37, Điều 90, Điều 98 Bộ luật lao động;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị N

Tuyên bố chấm dứt hợp đồng lao động số 127/HĐLĐ/2013 ngày 01/4/2013 được ký kết giữa bà Đào Thị N với Công ty TNHH J kể từ ngày 01/02/2015. Buộc Công ty TNHH J phải thanh toán cho bà Đào Thị N 3 tháng tiền lương ngừng việc, số tiền 8.100.0000 (Tám triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Công ty TNHH J phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lâm Văn Hùng